

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày: 19-4-2023.
V/v: Tranh chấp hui, họ, biêu,
phường.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân.
2. Bà Đình Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19/4/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2022/TLST-DS ngày 29/11/2022 về: Tranh chấp hui, họ, biêu, phường; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-DS ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ B sinh năm 1980 và bà Lê Thị L sinh năm 1983; cùng trú tại: Số 18B, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đỗ B: Ông Lê Ngọc H sinh năm 1997; địa chỉ: Số 820, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Út H sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Mộng H sinh năm 1970; cùng trú tại: Số 48/18, đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, ông H có mặt, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ B và bà Lê Thị L do ông Lê Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 01/5/2019 (âm lịch) vợ chồng ông Đỗ B và bà Lê Thị L tham gia chơi huê, người cầm dây huê là ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H, gồm 25 phần.

Các lần vợ chồng ông B, bà L đã đóng huê cho ông H, bà H, đóng huê bằng tiền mặt, ngày đóng huê là ngày âm lịch và số tiền đã đóng cụ thể là: Ngày 01/5/2019 đóng 10.000.000 đồng; ngày 01/6/2019 đóng 6.650.000 đồng; ngày 01/7/2019 đóng 6.650.000 đồng; ngày 01/8/2019 đóng 6.500.000 đồng; ngày 01/9/2019 đóng 5.840.000 đồng; ngày 01/10/2019 đóng 5.460.000 đồng; ngày 01/11/2019 đóng 5.370.000 đồng; ngày 01/12/2019 đóng 5.340.000 đồng; ngày 01/01/2020 đóng 6.150.000 đồng; ngày 01/02/2020 đóng 6.550.000 đồng; ngày 01/3/2020 đóng 6.150.000 đồng; ngày 01/4/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/5/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/6/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/7/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/8/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/9/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/10/2020 đóng 6.000.000 đồng; ngày 01/11/2020 đóng 6.000.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng ông B, bà L đã đóng huê (họ) cho ông H, bà H 19 lần với tổng số tiền 118.660.000 đồng. Ông H, bà H đã hứa với vợ chồng ông B, bà L vào ngày 01/12/2020 (âm lịch), vợ chồng ông B, bà L sẽ được hót huê với số tiền 190.000.000 đồng.

Đến ngày 01/12/2020 (âm lịch) vợ chồng ông B, bà L đã đến ông H, bà H để hót huê nhưng ông H, bà H lại bảo rằng huê đã bẻ nên không thanh toán số tiền 190.000.000 đồng cho vợ chồng ông B, bà L. Đồng thời đồng ý trả số tiền 118.000.000 đồng khi đã xin giảm bớt 660.000 đồng từ ông B, bà L.

Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán, ông H, bà H chỉ thanh toán cho ông B, bà L các lần như sau: Cuối năm 2021 thanh toán 40.000.000 đồng; tháng 02/2022 thanh toán 2.000.000 đồng; tháng 3/2022 thanh toán 3.000.000 đồng.

Kể từ các đợt thanh toán trên vợ chồng ông B, bà L chưa nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông H, bà H. Số tiền ông H, bà H còn nợ lại ông B, bà L là 73.000.000 đồng. Vợ chồng ông B, bà L đã yêu cầu ông H, bà H thanh toán số tiền còn lại nhưng ông H, bà H không đồng ý thanh toán.

Nay vợ chồng ông B, bà L yêu cầu Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm

Đồng xem xét giải quyết cho ông bà những vấn đề sau:

- Yêu cầu ông H và bà H thanh toán số tiền nợ huê gốc là 73.000.000 đồng.

- Yêu cầu ông H và bà H thanh toán số tiền lãi tính từ ngày 01/12/2020 (âm lịch) nhằm ngày 13/01/2021 (dương lịch) đến ngày 24/11/2022 (dương lịch) là $73.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 13.329.800 \text{ đồng}$, làm tròn là 13.329.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi vợ chồng ông B và bà L yêu cầu vợ chồng ông H và bà H thanh toán cho ông bà là $73.000.000 \text{ đồng} + 13.329.000 \text{ đồng} = 86.329.000 \text{ đồng}$. Ngoài ra, vợ chồng ông B và bà L không yêu cầu gì khác.

Ý kiến bị đơn ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H: Bị đơn ông H và bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B và bà L yêu cầu bị đơn ông H và bà H thanh toán số tiền nợ huê (họ) gốc là 73.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2023 là 12 tháng: $73.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 7.270.800 \text{ đồng}$, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 80.270.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hộ, họ, biên, phường (họ) giữa nguyên đơn ông Đỗ B và bà Lê Thị L với bị đơn ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông B và bà L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H và bà H thanh toán số tiền nợ huê (họ) gốc là 73.000.000 đồng; từ tháng 04/2022 bị đơn không thanh toán tiếp số tiền còn nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả lãi 12 tháng tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2023 là:

$73.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 7.270.800 \text{ đồng}$, tổng cộng số tiền gốc và lãi là 80.270.800 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Kèm theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn nộp “01 sổ huê 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Nhà cái Huyền Hải, ĐT: 0889 436211” in trên tờ giấy màu vàng, huê gồm 25 phần, nguyên đơn ông B, bà L (trong giấy huê ghi: 17. BÌNH (XE)). Theo nguyên đơn ông B, bà L thì ông bà đã đóng được 19 lần với tổng số tiền đã đóng 118.660.000 đồng, bị đơn xin giảm bớt 660.000 đồng nên hai bên thống nhất số tiền phải trả là 118.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả 03 lần: Cuối năm 2021 trả 40.000.000 đồng, tháng 02/2022 trả 2.000.000 đồng, tháng 3/2022 trả 3.000.000 đồng. Sau đó bị đơn không trả nên nay nguyên đơn yêu cầu trả 73.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2023 là 12 tháng: $73.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 7.270.800 \text{ đồng}$, tổng cộng gốc và lãi là 80.270.800 đồng. Bị đơn ông H, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án mặc dù đã được Tòa án Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, cũng như thông báo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giao tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho bị đơn ông H, bà H được biết nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì, cũng không có mặt tại phiên tòa, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc đã đóng và lãi đối với số tiền chưa trả yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, bà L. Buộc bị đơn ông H, bà H trả cho nguyên đơn số tiền huê (họ) gốc là 73.000.000 đồng và 12 tháng tiền lãi là 7.270.800 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 80.270.800 đồng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn $80.270.800 \text{ đồng} \times 5\% = 4.013.540 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ B và bà Lê Thị L với bị đơn ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H về việc tranh chấp hụi, họ, biên, phường (họ).

Buộc bị đơn ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ B và bà Lê Thị L số tiền huê (họ) gốc là 73.000.000 đồng (bảy mươi ba triệu đồng) và tiền lãi 7.270.800 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng), tổng cộng là 80.270.800 đồng (tám mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Út H và bà Nguyễn Thị Mộng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.013.540 đồng (bốn triệu không trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đỗ B và bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 2.158.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008427 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ya Thuyên

Lê Thị Phụng Diễm